

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

a. Dự án:

- Tên dự án: Mua sắm xe ô tô cho Trụ sở chính Agribank
- Nguồn vốn: Đầu tư mua sắm tài sản cố định của Agribank
- Chủ đầu tư: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

b. Gói thầu:

- Tên gói thầu: Mua sắm xe ô tô cho Trụ sở chính Agribank.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Thời gian thực hiện gói thầu: Tối đa 40 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Phạm vi công việc của gói thầu: Được nêu tại biểu Mẫu 01A (webform trên Hệ thống) – Phạm vi cung cấp thuộc E-HSMT.
- Địa điểm trang bị: Tại Trụ sở chính Agribank số 2 Láng Hạ, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung

+ Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh tính đáp ứng yêu cầu kỹ thuật bao gồm: Catalogue hoặc các tài liệu khác do Nhà sản xuất phát hành thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu.

+ Xe ô tô 7 chỗ:

- Chung loại xe: Xe ô tô 7 chỗ 2 cầu được phép lưu hành tại Việt Nam.
- Xuất xứ: Xe ô tô 7 chỗ 2 cầu có nhãn hiệu, model, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; có chứng nhận xuất xứ (CO) và chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ)
- Năm sản xuất: Xe mới 100%, chưa qua sử dụng.

- Chỗ ngồi: Xe ô tô 02 cầu 7 chỗ ngồi (kể cả lái xe).
- Xe ô tô bàn giao phải có đầy đủ phụ kiện kèm theo xe theo đúng tiêu chuẩn của hãng sản xuất.

+ Xe ô tô 16 chỗ:

- Chung loại xe: Xe ô tô 16 chỗ được phép lưu hành tại Việt Nam.
- Xuất xứ: Xe ô tô 16 chỗ có nhãn hiệu, model, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; có chứng nhận xuất xứ và chứng nhận chất lượng hàng hóa
- Năm sản xuất: Xe sản xuất năm 2025 trở đi, mới 100%, chưa qua sử dụng.
- Chỗ ngồi: Xe ô tô 16 chỗ ngồi (kể cả lái xe).
- Xe ô tô bàn giao phải có đầy đủ phụ kiện kèm theo xe theo đúng tiêu chuẩn của hãng sản xuất.

+ Xe ô tô 29 chỗ:

- Chung loại xe: Xe ô tô 29 chỗ được phép lưu hành tại Việt Nam.
- Xuất xứ: Xe ô tô 29 chỗ có nhãn hiệu, model, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; có chứng nhận xuất xứ và chứng nhận chất lượng hàng hóa.
- Năm sản xuất: Xe sản xuất năm 2025 trở đi, mới 100%, chưa qua sử dụng.
- Chỗ ngồi: Xe ô tô 29 chỗ ngồi (kể cả lái xe).
- Xe ô tô bàn giao phải có đầy đủ phụ kiện kèm theo xe theo đúng tiêu chuẩn của hãng sản xuất

+ Chi phí mua xe Đã bao gồm thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế VAT. (chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí đăng ký biển số xe).

+ Nhà thầu phải có Bảng mô tả đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo **Biểu mẫu** dưới đây và kèm theo các tài liệu để chứng minh theo yêu cầu. Trong trường hợp nhà thầu không kê khai theo bảng này hoặc không cung cấp các tài liệu kèm theo để chứng minh thì nhà thầu có thể bị đánh giá không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và không được xem xét đánh giá các bước tiếp theo:

TT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu/Nhãn mác sản phẩm, Tên nhà sản xuất, Xuất xứ	Yêu cầu kỹ thuật theo E-HSMT	Mô tả đặc tính kỹ thuật chào thầu (kèm theo catalogue/tài liệu kỹ thuật)	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

1					Trang ... của Catalog/...
2					Trang ... của Catalog/...

Ghi chú:

- Cột 1, 2, 4: Nhà thầu ghi thông tin theo yêu cầu của E-HSMT;
- Cột 3,5, 6: Nhà thầu ghi thông tin của hàng hóa dự thầu; Đối với tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSMT nhà thầu có thể đánh dấu cụ thể các thông số theo yêu cầu của E-HSMT để thuận tiện cho công tác kiểm tra, đánh giá.

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật cụ thể

❖ Xe ô tô 7 chỗ:

STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật tối thiểu
I	Chủng loại hàng hóa	
1	Chủng loại xe:	Xe ô tô 07 chỗ 02 cầu, số tự động.
2	Chất lượng, năm sản xuất:	Xe mới 100%
3	Màu xe:	Trắng, đen
II	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	
1	Kích thước tổng thể bên ngoài	
	Chiều dài	≥ 4.701mm
	Chiều rộng	≥ 1.839mm
	Chiều cao	≥ 1.674mm.
2	Chiều dài cơ sở:	≥ 2.787 mm.
3	Khoảng sáng gầm xe:	≥ 201 mm.
4	Dung tích bình nhiên liệu:	≥ 63 lít.
5	Loại động cơ	2.0 TSI (Tubro tăng áp và phun nhiên liệu kép)

STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật tối thiểu
6	Hệ thống nhiên liệu:	Phun nhiên liệu trực tiếp sử dụng đường ống dẫn chung, tăng áp biến thiên.
7	Công suất cực đại:	≥ 180/6000 Hp/rpm
8	Momen xoắn cực đại:	320/1.500-3.940 Nm/rpm
9	Dung tích xilanh:	≥ 1.984 cc.
10	Hộp số:	Tự động ly hợp kép DSG 7 cấp.
11	Lốp:	235/55 R18.
III	Trang thiết bị Ngoại – Nội thất	
1	Hệ thống đèn chiếu sáng phía trước	IQ Light
2	Gương chiếu hậu	Chỉnh điện/ gập điện/Sấy gương, Tự động điều chỉnh khi lùi xe, Tích hợp đèn báo rẽ
3	Tay lái:	Vô lăng bọc Da
4	Chất liệu ghế:	Ghế bọc da cao cấp
5	Ghế lái:	Điều chỉnh điện 8 hướng.
IV	Tiện nghi:	
1	Chìa khóa:	Chìa khóa thông minh và khởi động bằng nút bấm.
2	Hệ thống điều hòa:	Tự động 2 vùng độc lập.
3	Cốp điều khiển điện:	Có.
4	Hệ thống điều khiển hành trình:	Có.
V	An toàn:	

STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật tối thiểu
1	Hệ thống cân bằng điện tử/Hệ thống kiểm soát lực kéo/Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc:	Có.
2	Hệ thống theo dõi áp suất lốp:	Có.
3	Hệ thống cảnh báo điểm mù:	Có.
4	Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau:	Có.
5	Camera 360:	Có.
6	Túi khí:	6 túi khí

❖ **02 xe ô tô 16 chỗ ngồi:**

STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật tối thiểu
I	Chủng loại hàng hóa	
1	Chủng loại xe:	Xe ô tô 16 chỗ ngồi
2	Chất lượng, năm sản xuất:	Xe mới 100%, sản xuất năm 2025
3	Màu xe:	Bạc/Đen/Trắng
II	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	
1	Kích thước tổng thể bên ngoài	
	Chiều dài	$\geq 6.195\text{mm}$
	Chiều rộng	$\geq 2.038\text{mm}$
	Chiều cao	$\geq 2.760\text{mm}$
2	Chiều dài cơ sở:	$\geq 3.670\text{ mm.}$
3	Khoảng sáng gầm xe:	$\geq 180\text{ mm.}$

STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật tối thiểu
4	Bán kính vòng quay nhỏ nhất:	$\geq 5,8m$.
5	Dung tích bình nhiên liệu:	≥ 75 lít.
6	Công suất cực đại:	125/3600 KW/v/ph
7	Momen xoắn cực đại:	422/1500-2500 Nm/v/ph
8	Dung tích xy lanh:	≥ 2497 cc.
9	Hộp số:	6 cấp, số sàn
10	Lốp:	235/65 R16C
II	Nội - Ngoại thất:	
1	Cụm đèn phía trước:	Đèn Projector kết hợp đèn led, có đèn Sương mù
2	Tay lái:	Bọc Da
3	Chất liệu ghế:	Ghế bọc da.
III	Tiện nghi:	
1	Chìa khóa:	Chìa khóa thông minh
2	Hệ thống điều hòa:	Có bật tay
3	Cửa hậu:	Mở chìa khóa
IV	An toàn:	
1	Hệ thống cân bằng điện tử ABS	Có.
2	Túi khí:	Dành cho người lái

❖ **01 xe ô tô 29 chỗ ngồi:**

STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật tối thiểu
I	Chủng loại hàng hóa	
1	Chủng loại xe:	Xe ô tô 29 chỗ
2	Chất lượng, năm sản xuất:	Xe mới 100%, sản xuất năm 2025 trở đi
3	Màu xe:	Tùy khách hàng lựa chọn
II	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	
1	Kích thước tổng thể bên ngoài (Dài x Rộng x Cao):	
	Chiều dài	≥ 8.730mm
	Chiều rộng	≥ 2.370mm
	Chiều cao	≥ 3.150mm.
2	Chiều dài cơ sở:	≥ 4.260 mm.
3	Khoảng sáng gầm xe:	≥ 150 mm.
4	Dung tích bình nhiên liệu:	≥ 140 lít.
5	Công suất cực đại:	≥ 240/2300
6	Dung tích xy lanh:	≥ 4580 cc.
7	Hộp số:	Cơ khí, số sàn, 6 số tiến, 1 số lùi, trợ lực vào số.
8	Lốp:	245/70R19.5
II	Nội - Ngoại thất:	
1	Cụm đèn phía trước:	Đèn halogen
2	Tay lái:	Nhựa tích hợp các nút cao su

STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật tối thiểu
3	Chất liệu ghế:	Ghế bọc da.
III	Tiện nghi:	
1	Chìa khóa:	Remote Key mở cửa từ xa
2	Xe được trang bị Tivi, Tủ lạnh	Có
3	Hệ thống điều hòa:	Tự động
4	Cốp hàng hóa	Chỉnh cơ
V	An toàn:	
1	Hệ thống phanh trước	Phanh Đĩa
2	Hệ thống phanh sau	Phanh tang trống dẫn động khí nén 2 dòng
3	Hệ thống phanh đỗ	Phanh tang trống khí nén + lò so tích năng tác động lên bánh sau
4	Hệ thống phanh hỗ trợ	Phanh điện từ, ABS và ASR

*** Yêu cầu về chế độ bảo hành:**

❖ 05 xe ô tô 7 chỗ ngồi:

- Thời gian bảo hành: 3 năm hoặc 100.000 km tùy theo điều kiện nào đến trước.
- Địa điểm bảo hành: Xe được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tại các trạm bảo hành ủy quyền của nhà sản xuất trên toàn quốc

❖ 02 xe ô tô 16 chỗ ngồi:

- Thời gian bảo hành: Tối thiểu 3 năm hoặc 100.000 km tùy theo điều kiện nào đến trước.
- Địa điểm bảo hành: Xe được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tại các trạm bảo hành ủy quyền của nhà sản xuất trên toàn quốc.

❖ 01 xe ô tô 29 chỗ ngồi:

- Thời gian bảo hành: Tối thiểu 3 năm hoặc 200.000 km tùy theo điều kiện nào đến trước.

- Địa điểm bảo hành: Xe được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tại các trạm bảo hành ủy quyền của nhà sản xuất trên toàn quốc.

Ghi chú:

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật dưới đây để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "cao hơn" so với các yêu cầu tối thiểu.

Trong yêu cầu về kỹ thuật, nếu cụm từ “tương đương” được mô tả sau các yêu cầu về kỹ thuật của thiết bị thì được hiểu tương đương về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, nếu cụm từ “tương đương” được mô tả sau các yêu cầu về chức năng của thiết bị thì được hiểu tương đương về tính năng sử dụng.

1.3. Các yêu cầu khác: Không yêu cầu.

Mục 2. Bản vẽ: Không.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Hàng hóa được kiểm tra ngay sau khi giao hàng tại địa điểm giao hàng.
- Chi phí cho việc kiểm tra và mọi chi phí phát sinh khác do nhà thầu chịu trách nhiệm.

- Nếu hàng hóa không đáp ứng yêu cầu, tùy tình hình cụ thể bên mua sẽ đưa ra yêu cầu cụ thể, bên cung cấp có trách nhiệm đáp ứng.

- Trước khi nghiệm thu, thiết bị sẽ được chạy thử nghiệm theo thông số kỹ thuật yêu cầu của gói thầu.

- Phương thức nghiệm thu bàn giao: Văn phòng Trụ sở chính và đơn vị cung cấp thực hiện nghiệm thu, bàn giao xe ô tô theo đúng nội dung Hợp đồng mà hai bên đã ký.

- Địa điểm bàn giao và nghiệm thu xe ô tô: Trụ sở chính Agribank, số 2 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội.